

VAI TRÒ CỦA KHÔNG GIAN LÀNG TRUYỀN THỐNG NGƯỜI HÀ NHÌ TRONG GIẢM THIỂU THIỆT HẠI TỪ THIÊN TAI: NGHIÊN CỨU TẠI HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

TS. Trần Hữu Sơn
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Văn hóa và Du lịch
Email: sonvanlc@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung tìm hiểu một số yếu tố giúp người Hà Nhì ở tỉnh Lào Cai ứng phó hiệu quả hơn trước thiên tai so với một số tộc người láng giềng khác. Qua nghiên cứu thực địa ở huyện Bát Xát, chúng tôi nhận thấy nhờ các không gian rừng, thôn làng, ruộng bậc thang, người Hà Nhì đã giảm thiểu tối đa thiệt hại từ các đợt lũ ống, lũ quét. Các không gian này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: rừng giữ nước, cung cấp nguồn nước cho thôn làng và ruộng bậc thang. Rừng là tấm áo giáp che chở cho thôn làng, được người dân ứng xử với sự tôn kính. Trong khi đó, ruộng bậc thang vừa là nơi tiếp nhận một phần dưỡng chất từ rừng, vừa góp phần giảm tốc độ dòng chảy, hạn chế xói mòn, sạt lở đất, bảo vệ cảnh quan thôn làng. Những phân tích trong bài viết đặt trong sự so sánh giữa các thôn người Dao với thôn người Hà Nhì, nhằm lý giải vì sao thôn Hà Nhì có sự an toàn hơn khi đối mặt với các thiên tai như lũ quét, lũ ống.

Từ khóa: Người Hà Nhì, môi trường, không gian, thích ứng.

Abstract: This article explores the factors that enable the Ha Nhi people in Lao Cai province to respond more effectively to natural disasters compared to neighbouring ethnic groups. Through field research conducted in Bat Xat district, it was discovered that the Ha Nhi people have minimised the damage caused by flash floods, thanks to the presence of forest, villages, and terraced fields. These spaces are interconnected, with forests retaining water and providing water sources for villages and terrace fields. The forest acts as a protective barrier for the villages and is greatly respected by the community. Simultaneously, terraced fields serve as recipients of nutrients from the forest while aiding in reducing the flow rate of water, preventing erosion and landslides, and safeguarding the village landscape. The article also draws comparisons between Dao villages and Ha Nhi villages to explain why Ha Nhi villages demonstrate greater resilience in the face of natural disasters, such as flash floods and sewer floods

Keywords: Ha Nhi people, environment, space, adaptation.

Ngày nhận bài: 29/8/2022; ngày gửi phản biện: 9/3/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

Mở đầu

Từ năm 1974 đến năm 2020, theo thống kê của chính quyền huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, trên địa bàn huyện đã có hơn 40 đợt thiên tai như: lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, lũ lụt. Tuy nhiên, so với các thôn người Dao, người Giáy, người Hmông, thôn của người Hà Nhì được đánh giá ít bị thiệt hại hơn. Điều đó đặt ra câu hỏi: yếu tố nào giúp thôn của người Hà Nhì ít bị ảnh hưởng bởi thiên tai hơn so với các tộc người sống liền kề? Để trả lời câu hỏi đó, bài viết này sẽ tập trung phân tích sự thiết lập không gian phát triển bền vững thích ứng với môi trường của người Hà Nhì, cũng như thôn làng người Hà Nhì trước tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong lịch sử hiện đại và những vấn đề đặt ra. Bài viết là kết quả của 4 đợt điền dã (tháng 11/2019, tháng 3-4/2020, tháng 4 và tháng 7/2022) tại các thôn: Lao Chải, Choán Thên, Tả Gi Thàng thuộc xã Y Tý; thôn Kin Chu Phìn, xã Nậm Pung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Bên cạnh việc nghiên cứu các tư liệu liên quan cùng với quan sát tham dự, thảo luận nhóm, tác giả đã tiến hành phỏng vấn trường thôn và 20 người dân trên 60 tuổi ở các thôn nêu trên.

Người Hà Nhì thường sinh sống chủ yếu ở độ cao 1.300m -1.700m so với mực nước biển, diện tích đất rừng trong các thôn Hà Nhì có tỉ lệ che phủ khá lớn (từ 65% đến 80%) với các loại rừng: rừng thiêng, rừng đầu nguồn, rừng cộng đồng chung của thôn, rừng chung của dòng họ, rừng của từng gia đình. Thôn Lao Chải 1 của người Hà Nhì ở xã Y Tý liền kề các khu rừng thiêng như Gạ Ma Do, Mu Thu Do, Thủ Ty. Trong đó, rừng đầu nguồn là Tả Gi Thàng, đây là khu rừng nguyên sinh có diện tích khoảng 400ha. Tại Lao Chải 1 còn có rừng chung là rừng Thè Pả, diện tích khoảng 30ha. Ngoài ra, mỗi dòng họ, gia đình đều có những vạt rừng riêng khoảng vài trăm mét vuông đến gần chục ha. Điển hình như hộ gia đình ông Ly G. L. có 5 ha, ông Phu G. X. có 8 ha. Người Hà Nhì thường chọn nơi ở tại những điểm có suối và mạch nước ngầm phong phú. Thôn Lao Chải 1 có ba con suối chảy qua là các suối Phan Cán Sừ, Mò Phú Chải, Ngải Chồ. Nhờ có nhiều nguồn nước nên người Hà Nhì giỏi đào mương, khai khẩn ruộng bậc thang. Khu ruộng bậc thang Thèn Pả rộng lớn nhất vùng cao Bát Xát với khoảng 5.000 ha. Trong khi đó, diện tích rừng của các thôn người Hmông, người Dao ở trong vùng rất thấp. Độ che phủ rừng của các thôn người Dao ở xã Dền Thàng, Bản Xèo hay thôn người Hmông ở xã A Mú Sung, Trịnh Tường chỉ từ 30,2% đến 36,1%. Hầu hết các thôn người Hmông, người Dao, người Giáy đều không còn rừng thiêng hoặc rừng thiêng bị xâm hại nghiêm trọng, chỉ còn một vài cây hoặc những lùm cây lẻ tẻ.

1. Ba không gian chính của người Hà Nhì

Theo chúng tôi, người Hà Nhì đã tạo lập được hệ sinh thái bền vững thông qua quá trình tạo dựng 3 không gian khác nhau: không gian rừng, không gian thôn và không gian ruộng bậc thang. Ba không gian này đều đảm bảo chức năng thích ứng hiệu quả, thân thiện với môi trường tự nhiên. Các không gian lại có mối quan hệ hữu cơ với nhau, góp phần duy trì mối quan hệ hài hòa giữa tự nhiên và con người. Rừng có quan hệ mật thiết, chặt chẽ với thôn và ngược lại, thôn ảnh hưởng đến rừng, chi phối, quyết định tư liệu sản xuất. Ruộng bậc thang được khai khẩn từ

đất rừng, cung cấp lương thực thực phẩm cho người dân, đồng thời kết nối giữa các thôn làng và rừng theo mô hình tam giác mà thôn làng là vị trí trung gian, là đỉnh của hình tam giác.

1.1. Rừng với chức năng giảm thiểu thiệt hại thiên tai

- *Thế giới quan về rừng:* Rừng ở vùng người Hà Nhì còn nhiều hơn bất cứ tộc người nào ở Lào Cai. Theo tư liệu của Phòng Nông - Lâm huyện Bát Xát, vào những năm 1970, diện tích rừng ở vùng người Hà Nhì thuộc xã Y Tý, xã Nậm Pung có độ che phủ trên 78%. Tính đến cuối năm 2021, độ che phủ rừng ở các thôn người Hà Nhì xã Y Tý là 69%; xã Nậm Pung là 68,2%. Các xã, thôn người Hà Nhì ở Bát Xát có diện tích rừng lớn nhất huyện là xã Y Tý có 5.796,4ha, xã Nậm Pung có 2.564,7ha, xã Trịnh Tường có 4.432,1ha (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bát Xát, 2021).

Có nhiều yếu tố khác nhau góp phần duy trì diện tích rừng, trong đó một số nghiên cứu đã chỉ ra việc nhận thức về rừng như thế nào, niềm tin, thái độ và hành vi ứng xử với rừng ra sao là những yếu tố đóng vai trò quan trọng (Phan Thị Hoàn, 2019). Thế giới quan truyền thống về rừng của người Hà Nhì chủ yếu dựa vào thuyết vạn vật hữu linh. Họ xác định mọi cây, con trong rừng đều có linh hồn, đều biết suy nghĩ như con người. Vì vậy, khi đi săn, hái lượm, người Hà Nhì thường không nói rõ mục đích đi săn, ngắt ngọn, hái lá thuốc của mình. Họ sợ nói trước như vậy các cây, con vật trong rừng sẽ biết và tìm cách trốn tránh. Họ cũng quan niệm rằng các loài cây to, gỗ quý, cây có quả đều là cây thiêng, có khả năng phù hộ con người, nhưng cũng có thể làm hại con người. Một số cây được chọn là cây thần, được thờ cúng. Tương tự như vậy, các hòn đá, vũng nước, đầm lầy, bụi rậm... đều có linh hồn, đều có thần chủ. Người Hà Nhì từ xa xưa đã quan niệm con người chỉ là một thành phần trong thế giới tự nhiên, cây và con trong rừng cũng bình đẳng, ngang hàng với con người. Quan niệm này phản ánh nhiều trong huyền thoại và sự tích các loài cây, chim, thú trong rừng. Nổi bật là trong sử thi “Xa nhà ca” của người Hà Nhì: các loại cây cỏ, muông thú đều là một dạng người khác đã xuống trái đất đầu tiên. Đó là các loài cây dương xỉ, cây lau, cỏ tranh, cây chít, cây tre, cây gỗ (Trần Hữu Sơn, 2018). Sau đó mới đến lượt các loài chim thú và cuối cùng là con người. Như vậy, quan niệm cây cỏ, loài vật đều có linh hồn là quan niệm chung của các tộc người. Nhưng ở các thôn người Hà Nhì ở Bát Xát, do quan niệm này được phản ánh thường xuyên, định kì hàng năm trong lễ cúng rừng Gạ Ma Do, lễ cúng ruộng Mu Thu Do và các nghi lễ khác nên quan niệm linh hồn càng sống động. Mặt khác, hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, diễn xướng, sử thi “Xa nhà ca” và nhiều câu chuyện kể, sự tích, dân ca đã nhắc đến vai trò thân thiện của rừng, động vật trong rừng. Đặc điểm này ở thôn Hà Nhì khác hẳn với thôn người Dao, người Hmông. Hai tộc người này tuy còn nghi lễ cúng rừng nhưng biểu tượng rừng chỉ là một gốc cây hoặc một lùm cây chứ không còn rừng thiêng như của người Hà Nhì. Do đó, quan niệm về linh hồn của rừng và động vật trong rừng nửa thế kỷ qua đã phai mờ trong tâm thức người Dao và người Hmông.

Dựa trên thế giới quan ấy, người Hà Nhì đã xây dựng mối quan hệ tôn trọng, bình đẳng với các loài cây, cỏ, chim, thú trong rừng, không khai thác lâm, thổ sản bừa bãi. Trong các rừng thiêng, rừng cấm, người Hà Nhì không tự do xâm phạm và khai thác các tài nguyên rừng. Việc khai thác chỉ được tiến hành ở những khu rừng tự nhiên, rừng cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng chính đáng.

Từ quan niệm vạn vật hữu linh, người Hà Nhì phát triển thành hệ thống thần linh trong tự nhiên. Thế giới quan về rừng đã thần linh hóa các vị thần từ rừng. Trong hệ thống thần linh của người Hà Nhì, có sự phân chia thành 3 hệ thống:

- Thần linh trên trời, thần tối cao là A Pó Mo Mí, thần mặt trời, thần mặt trăng, thần ngôi sao, thần sấm, thần gió, thần mưa, thần sương mù;

- Thần linh hạ giới, thần thôn ở rừng thiêng Gạ Ma Do, thần cây thiêng, thần thổ địa, thần bếp lửa, thần ruộng, thần bãi đu, thần núi, thần vách đá, thần công thôn, thần đầm lầy, thần suối;

- Thần linh dưới mặt đất, mặt nước như thần linh của người lùn, thần rồng dưới nước,...

Ngoài ra, người Hà Nhì còn quan niệm thế giới hồn ma ở ngoài phạm vi thôn làng. Như vậy, trong thế giới tâm linh của tộc người có rất nhiều thần linh liên quan đến rừng. Mỗi loài cây sống trong rừng, ngoài sự quản lý chung của thần cây (*A Sòng ne khà*) còn có sự quản lý trực tiếp của các vị thần chủ như thần quản lý các loài dây leo (*Ni ma có gó*), thần quản lý các loài cây xuống trái đất đầu tiên như thần chủ cây dương xỉ (*Lò tá*), thần chủ cây cỏ lau (*Phủ*), thần chủ quản cây cỏ tranh (*Sứ*), thần chủ cây chít (*Tzúng*),... Sáng tạo ra các vị thần liên quan đến cây và rừng đã góp phần thiêng hóa rừng, tạo ra những điều quy định, luật tục bảo vệ rừng. Hệ thống thần linh về rừng càng soi rọi thế giới quan rừng - thế giới quan sinh thái của người Hà Nhì. Bắt nguồn từ thế giới quan này, người Hà Nhì đã xây dựng hệ thống ứng xử với các thể chế quan trọng bảo vệ rừng.

- *Xây dựng cơ chế thiêng hóa rừng*: Thôn của người Hà Nhì gọi là “Phu”. Mỗi “Phu” sở hữu các loại rừng thiêng, rừng cấm. Trong đó, loại rừng thiêng quan trọng nhất là rừng thờ thần hộ mệnh của thôn (người Hà Nhì Đen gọi là “Gạ Ma Do”, người Hà Nhì Hoa gọi là “Gạ Ma Thú”). Khu rừng thiêng này nằm ở khu vực phía trên của thôn làng để từ đây có thể nhìn bao quát toàn thôn. Rừng thiêng “Gạ Ma Do” ở khu vực phía trên của thôn nên các gia đình không được làm nhà vượt qua độ cao nền đất rừng thiêng. Khi các thôn làng được thành lập, những người cao tuổi, thầy cúng phải chọn khu rừng thiêng “Gạ Ma Do” đầu tiên. Rừng thiêng “Gạ Ma Do” là nơi thờ cúng thần bảo vệ bản mệnh cho người Hà Nhì. Vận mệnh của dân (còn gọi là “Phu”) gắn liền với vận mệnh của rừng thiêng “Gạ Ma Do”. Vì vậy, người Hà Nhì cấm mọi người vào rừng thiêng. Mọi cây khô trong rừng đổ ngổ ngang không một ai được lấy về. Hàng năm chỉ có ngày cúng “Gạ Ma Do” (thường là ngày con rồng “Lò no”), các thành viên nam giới đại diện các gia đình mới được theo thầy cúng quản rừng “Mí Cù” và

người phụ giúp “La chạ” vào rừng thiêng làm lễ cúng thần rừng. Lễ cúng thần rừng là cúng thần hộ mệnh của “Phu”. Nội dung các bài cúng đều cầu mong người yên, vật thịnh, cầu mong được mùa, người dân không gặp tai nạn...

Rừng “Thủ Ty” là nơi thờ những người có công khai phá lập thôn, mở mang vùng đất mới. Rừng thờ “Thủ Ty” cũng có cây thần. Đây là loại cây cao, to, cành lá sum suê, người Hà Nhi gọi là “Si san”. Cây thần mọc ở giữa khu rừng. Dưới gốc cây thần, người Hà Nhi Đen dựng hình miếu thờ nhỏ bằng 3 hòn đá. Lễ cúng rừng diễn ra vào ngày mùng 2 Tết. Rừng thờ “Thủ Ty” là nơi linh thiêng. Thần “Thủ Ty” bảo vệ cuộc sống yên lành cho dân trong thôn. Người Hà Nhi Đen ở Bát Xát còn quan niệm thần rừng “Thủ Ty” có chức năng bảo vệ cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, chống dịch bệnh.

Rừng thiêng “Mu Thu Do” thường ở vị trí thấp hơn thôn, gần khu vực canh tác (ruộng lúa nước). Thần rừng “Mu Thu Do” là nữ thần và là vợ của thần rừng “Gạ Ma Do”. Cây thần của khu rừng “Mu Thu Do” là cây có thể ra hoa kết trái (không nhất thiết phải là cây có quả, ăn được như rừng “Gạ Ma Do” ở Bát Xát). Người Hà Nhi Đen chọn ngày con ngựa (Mò no) tháng 3 cúng thần rừng “Mu Thu Do”. Thần rừng “Mu Thu Do” có chức năng phù hộ cho thôn được mùa màng tốt tươi, gia súc phát triển, con cháu đông đúc. Nữ thần rừng “Mu Thu Do” là nữ thần phù hộ cho sự sinh sôi, phát triển.

Người Hà Nhi còn khu rừng cấm khác là khu rừng vui chơi, ca hát “A gờ la do”. Đây là địa điểm tổ chức lễ hội “Khô Già Già” của người Hà Nhi Đen (hoặc lễ hội “Gié Khu Chà” của người Hà Nhi Hoa). Vì là khu rừng cấm nên mọi người không được vào khai thác, chặt cây trong rừng. Trong rừng có khu vực làm lán thờ thần, có khu vực chôn cột đu “A quý”, “A gừ”. Khu rừng thường ở vị trí phía dưới của thôn, gần đường đi và được bảo vệ nghiêm ngặt.

Bên cạnh 4 khu rừng thiêng, người Hà Nhi còn xác định quyền sở hữu của thôn đối với các khu rừng ở đầu nguồn gọi là rừng cấm. Các khu rừng này cũng được bảo vệ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo nguồn nước cho ruộng bậc thang. Các khu rừng cấm đầu nguồn mỗi năm chỉ mở cửa rừng 1 lần. Ngoài ra, mỗi thôn người Hà Nhi còn có một số khu rừng cộng đồng để người dân vào lấy nguyên vật liệu làm nhà và lấy củi. Quy ước của thôn quy định chặt chẽ nguyên tắc lấy gỗ, lấy củi nhằm mục đích bảo vệ rừng.

1.2. Thôn làng của người Hà Nhi

1.2.1. Chọn vị trí dựng thôn

Đặc điểm chung của các thôn người Hà Nhi ở huyện Bát Xát (xã Y Tý có 6 thôn, xã Trịnh Tường 2 thôn, xã Nậm Pung 3 thôn...) là khi lập thôn, người Hà Nhi thường chọn khu đất tương đối bằng phẳng ở sườn núi, nơi có rừng nguyên sinh, thậm chí rừng bao bọc cả 3 hướng (thôn Sín Chải, thôn Lao Chải 2, xã Y Tý). Trước mặt thôn là thung lũng có khả năng khai phá thành ruộng bậc thang. Đây là đặc điểm chung xuyên suốt các thôn người Hà Nhi ở Bát Xát. Thôn của người Hà Nhi có thể cư trú vững chãi, lưng dựa vào núi cao rừng rậm, tạo

thành tấm áo giáp bền vững che chở cho thôn. Rừng phía sau thôn là rừng thiêng Gạ Ma Do - nơi mang hồn của thôn, là nơi linh thiêng che chở cho thôn và được bảo vệ nghiêm ngặt. Nguồn nước chính của thôn là vũng nước chảy ra từ mạch nguồn được rừng thiêng bảo vệ. Nguồn nước cũng được thiêng hóa, đây là nơi có thần Ròng (chủ của thế giới nước ngự trị). Nhờ có rừng được bảo tồn nên mạch nước suối ở đây luôn chảy quanh năm. Trong đó, điển hình là hai thôn Lao Chải 1 và thôn Tả Gi Thàng có mạch nước ngầm lớn và người dân đầu năm mới thường tổ chức lễ cúng mạch nước.

Người Hà Nhì là chủ nhân đầu tiên khai khẩn các ruộng bậc thang ở Lào Cai. Ruộng bậc thang thường nằm ở phía dưới của thôn. Từ rừng, nguồn nước, lá cây và các chất hữu cơ qua suối, qua nương dẫn đến ruộng bậc thang. Từ thôn, các nguồn phân gia súc, gia cầm dẫn về ruộng bậc thang thông qua hệ thống các con nương. Hệ thống này kết nối đến từng hộ gia đình, được chính quyền địa phương hỗ trợ xây dựng một phần. Mỗi gia đình người Hà Nhì đều có nơi nhốt trâu, ngựa riêng. Phía dưới nền chuồng trâu có hố để chứa phân. Khi bón phân cho ruộng, người Hà Nhì đóng cửa nương của các gia đình khác, toàn bộ hệ thống nương dẫn nước phân từ chuồng trâu tới thẳng thửa ruộng bậc thang của hộ gia đình. Ruộng bậc thang là địa điểm tiếp nhận cả nguồn nước, chất hữu cơ, chất thải từ không gian thôn, không gian rừng đổ xuống.

1.2.2. Không gian thôn làng

Trong không gian thôn làng của người Hà Nhì, có các kiểu cấu trúc thể hiện sự thích nghi với địa hình cũng như các điều kiện tự nhiên khác. Đó là cấu trúc không gian *trong/ngoài* và không gian *cao/thấp* gắn với không gian *thiêng/tục*, *sạch/bẩn*.

- *Không gian bên trong và bên ngoài thôn làng*: Không gian bên trong và bên ngoài thôn làng là không gian vật lý có đường biên khó xác định rõ bằng các dấu mốc cụ thể, nhưng trong ý thức của người dân, họ đều cảm nhận được đường biên không gian đó. Hàng năm, lễ cúng “Ngặt tu tu” (lễ cấm thôn) vào ngày Hồ tháng Giêng, người Hà Nhì ở các thôn tổ chức dựng cổng, căng dây treo đầu chó, gà ở cổng chính và các chân chó, chân gà ở cổng phụ của thôn. Hai bên cổng chính, 1 bên treo đầu chó và 1 bên là đầu gà chĩa ra ngoài. Phía dưới đầu chó là hình khẩu súng kíp, phía dưới đầu gà treo 1 thanh kiếm thấm máu chó. Ở giữa sợi lông vắt qua 2 cột cổng đều treo con dao bằng tre, dương vật chó, đuôi chó, được cho là các vật thiêng trừ ma vào thôn. Phạm vi trong cổng gọi là trong làng, còn ngoài cổng thì gọi là ngoài làng. Sợi dây chính là ranh giới không gian trong/ngoài của làng.

Không gian trong thôn gồm các không gian thiêng: rừng thần và nơi thờ thần rừng Gạ Ma Do, nơi thờ thần thổ địa “Thủ Ty”, nơi thờ thần ruộng “Ma Thu Do”, nơi bãi đu ở rừng vui chơi, mạch nước đầu thôn là nơi thờ thần nước thiêng. Trong thôn còn bao gồm toàn bộ các ngôi nhà của người dân, nguồn nước ăn. Không gian trong thôn là không gian của người và các vị thần phù hộ cho người dân trong thôn làng. Còn không gian ngoài thôn là không gian của ma quỷ và linh hồn của những người đã chết bất đắc kỳ tử không được vào thôn làng (dù đó là ngày giỗ, ngày cúng ma). Người chết chỉ được chôn ở không gian bên ngoài thôn

làng. Ở một số thôn của xã Y Tý, phía ngoài rừng có khu chôn những người chết bất đắc kỳ tử, chết bất thường. Các khu mộ này thường bị bỏ hoang, không ai chăm sóc, tảo mộ.

Như vậy, không gian trong/ngoài thôn là cấu trúc lưỡng phân về không gian, phản ánh mối quan hệ đề cao trung tâm (trong thôn) nhưng cũng nêu bật vai trò của ngoài thôn. Không gian trong thôn không chỉ là không gian của con người, mà còn là không gian của thiên nhiên: không gian của rừng với 4 khu rừng thiêng, không gian của nguồn nước (với mỏ nước thiêng), không gian của cây với hệ thống cây thiêng... Không gian bên ngoài của người Hà Nhì không chỉ có tự nhiên mà còn có sự hiện diện của con người (Philippe Descola, 2021). Con người làm nương, khai thác thảo quả với hệ thống các lán ngủ trên nương. Những ngày mùa bận rộn nhất (cày, bừa và gặt lúa), con người đều ở ngoài đồng. Sự hòa trộn của các cấu trúc không gian này đã tạo ra sự hài hòa thích ứng của con người với môi trường tự nhiên.

- *Cấu trúc của không gian cao/thấp*: Thôn của người Hà Nhì còn có cấu trúc không gian cao/thấp. Trong không gian của người Hà Nhì, rừng thiêng Gạ Ma Do ở vị trí cao nhất, từ trên cao nhìn xuống thôn. Luật tục của người Hà Nhì quy định tất cả các ngôi nhà trong thôn đều phải thấp hơn rừng thiêng. Khu đất cư trú của thôn là không gian thấp hơn rừng, nhưng phải cao hơn ruộng bậc thang. Toàn bộ ruộng bậc thang được khai khẩn thấp hơn thôn.

Quan niệm về không gian cao/thấp cũng phản ánh ở quan niệm đầu thôn và cuối thôn. Đầu thôn bao giờ cũng ở vị trí cao, có mạch nước đùn. Mạch nước cung cấp nước sinh hoạt cho cả thôn và được thiêng hóa thành nước thiêng “A su khu”. Nơi mạch nước tuôn trào, các thành viên nam của thôn quây đá xung quanh để tạo thành vũng nước rộng. Người Hà Nhì quan niệm rằng, vũng nước đó có thần nước hóa thân thành con rồng cai quản, được gọi là “U xo”. Từ mạch nước, người dân dẫn nước sinh hoạt về các gia đình, dẫn nước vào hệ thống nương ở ruộng bậc thang. Đầu thôn được coi là khu vực sạch, có rừng thiêng Gạ Ma Do và nguồn nước thiêng, có dựng cổng thôn và căng dây (trong lễ cấm thôn - “Ngặt tu tu”) bảo vệ thôn. Ở khu vực đầu thôn chỉ có các ngôi nhà của những gia đình, dòng họ có công dựng thôn đầu tiên. Ranh giới cuối thôn là rừng vui chơi “Gạ hen lạ do” (nơi tổ chức lễ hội mùa mưa “Khô Già Già”). Hết khu vực rừng vui chơi là đến khu ruộng bậc thang. Khu vực cuối thôn được quan niệm là khu vực bẩn. Trong lễ hội đuổi tà ma, làm sạch thôn vào ngày con Lợn “Gạ mo” đầu tiên của tháng 7, người Hà Nhì vứt hết công cụ dùng để đuổi ma (cành cây, đoạn củi đốt lửa) vào hố chôn cuối bản. Phía ngoài rừng vui chơi cuối thôn, người Hà Nhì chọn 1 khu rừng chôn những người chết “xấu”, chết bất thường (ví dụ như bị hổ vồ, cây đè chết...). Cuối thôn cũng là khu vực cuối nguồn nước. Phía ngoài khu rừng vui chơi là khu ruộng bậc thang, vị trí bao giờ cũng thấp hơn nơi cư trú của thôn.

Như vậy, không gian của thôn có cấu trúc cao/thấp. Không gian cao là không gian thiêng, “sạch”. Không gian thấp (ruộng bậc thang cuối thôn) là không gian “bẩn”, tục - đời thường. Phỏng vấn ông Lý S. Ch. (sinh năm 1944), thôn Lao Chải 1, xã Y Tý cho biết: “*Rừng thiêng Gạ Ma Do đầu thôn có nguồn nước thiêng là các nơi sạch, ở trên cao. Ngay cả ngoài cổng phía*

đầu thôn không được chôn người chết, vì đây là đầu nguồn. Ở khu vực này có các nghi lễ cúng rừng, cúng nguồn nước rất linh thiêng, chỉ có nam giới tham gia. Còn ở phía cuối thôn là cuối nguồn nước, có rừng “Gạ hen lạ do” - nơi mở hội “Khô Già Già” thì có cả nam và nữ đều được tham gia. Hết khu rừng “Gạ hen lạ do” là ruộng bậc thang và khu rừng chôn người chết không bình thường (bị thú vồ, chết ở ngoài đường, chết trẻ khi chưa có vợ/chồng...).

1.2.3. Nhà ở

Nơi cư trú của người Hà Nhì có khí hậu khắc nghiệt. Các xã có người Hà Nhì cư trú như Y Tý, Trịnh Tường, Nậm Pung, A Lù, A Mú Sung đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do địa hình núi cao nên khí hậu còn mang tính chất của tiểu vùng cận nhiệt đới và ôn đới. Người Hà Nhì đã thích ứng với khí hậu của vùng, chống chọi với mưa lũ, giá lạnh và sương mù.

Lượng mưa trong năm ở các xã có người Hà Nhì cư trú dao động từ 1.900mm - 3.800mm. Mỗi năm có từ 3-4 trận mưa đá vào đầu mùa hè. Lượng mưa nhiều nên ngôi nhà của người Hà Nhì phải thích ứng được với điều kiện đó. Móng nhà được đào sâu, đổ đá dày khoảng 30cm - 40cm để ngôi nhà được chắc chắn. Mái nhà dốc, cao, lợp cỏ tranh dày từ 25cm - 40cm để chống chịu được những trận mưa lớn, dài ngày. Đồng bào lựa chọn làm nhà trên nền đất tương đối bằng phẳng, không xê núi, san nền. Đặc biệt, xung quanh ngôi nhà và các công trình phụ đều khơi rãnh thoát nước. Tường nhà được quét lớp đất vàng, tạo độ bóng, không ngấm nước.

Để thích ứng với khí hậu nóng vào mùa hè, lạnh vào mùa đông, người Hà Nhì đã sáng tạo kiểu nhà có tường trình khá dày, từ 30cm - 40cm. Trong đó, kỹ thuật làm nhà phức tạp và độc đáo nhất của đồng bào là đồ khuôn đúc tường bằng gỗ. Từ khuôn gỗ, người thợ đổ đất và lèn đất tạo thành bức tường vững chắc. Tường đất dày, mái cỏ tranh lợp dày, tạo ra ngôi nhà “kín trên bền dưới”. Bước chân vào ngôi nhà của người Hà Nhì, mùa hè thì mát, mùa đông lại ấm. Nhiệt độ trong nhà và bên ngoài chênh lệch nhau từ 5-7 độ C. Ngôi nhà có hai lớp cửa so le vừa mang tính chất phòng thủ vừa đảm bảo ấm cúng, ngăn sương mù, giá lạnh. Để chống rét, bên cạnh kiểu nhà trình tường, người Hà Nhì còn bố trí hệ thống bếp lửa. Mỗi ngôi nhà đều có hai loại bếp: bếp lò ở sàn đất để nấu ăn, bếp lửa ở sàn cao để sưởi và nấu nước tiếp khách. Bếp lửa ở gian trong, giữa nhà nên có tác dụng phân phối nhiệt lượng khá đều.

1.3. Ruộng bậc thang

Không gian ruộng bậc thang bao gồm các thửa ruộng, suối, bờ ruộng, lều nương... Ruộng bậc thang chỉ khai khẩn ở nơi có độ dốc vừa phải (khoảng từ 20 đến 25 độ C) và có điều kiện dẫn nước. Người Hà Nhì không phá rừng làm ruộng bậc thang. Các thửa ruộng đều là những vạt đồi, những bãi chẵn thả gia súc, những bụi cây lúp xúp ven suối. Là tộc người có truyền thống khai khẩn ruộng bậc thang sớm nhất vùng Tây Bắc, nhiều khu ruộng bậc thang của người Hà Nhì ở Y Tý, Nậm Pung, hay Trịnh Tường có lịch sử khai khẩn gần 200 năm. Trong khi đó các ruộng bậc thang của người Hmông ở Mù Cang Chải (Yên Bái), người Dao ở Sa Pa (Lào Cai) và

Hoàng Su Phì (Hà Giang) mới chỉ được khai khẩn vào đầu thế kỷ XX. Trong kỹ thuật làm ruộng bậc thang, người Hà Nhi rất chú trọng kỹ thuật đắp bờ, dẫn nguồn nước. Bờ ruộng gồm có bờ trên, bờ dưới và hai bờ ngăn ở hai đầu tạo thành sự khép kín cho khóm ruộng. Công việc đắp bờ được thực hiện tuần tự, đắp bờ dài trước rồi mới đắp bờ ngắn hai bên đầu ruộng. Đối với những khu đất có nhiều đá, người Hà Nhi sẽ tận dụng luôn số đá đó để kê chân bờ ruộng. Việc kê bờ bằng đá sẽ giúp cho chân bờ ruộng được chắc chắn, không lo bị sạt lở.

Người Hà Nhi có cách xử lý công đoạn đắp bờ ruộng riêng của họ. Mỗi bờ ruộng, ngoài chức năng để giữ nước và làm lối đi lại, còn là nơi giữ các cửa nước, đảm bảo hoạt động lưu thông nước vào và ra. Kích thước các cửa nước to hay nhỏ tùy thuộc vào mỗi thửa ruộng. Theo khảo sát thực tế và phỏng vấn ông Ly H. S. (thôn Choản Thèn, ngày 14/6/2018) cho biết: “Cửa nước của người Hà Nhi dài khoảng 30-40cm, sâu 8cm đối với ruộng to còn đối với ruộng nhỏ thì cửa nước rộng 20-30cm, sâu 5-6cm, không đào sâu đến đáy ruộng. Cũng có khi cửa nước dẫn vào ruộng có kích thước chiều cao 15-20cm, chiều rộng 16-18cm, tùy vào diện tích ruộng mà điều chỉnh độ rộng hẹp của cửa nước”. Kinh nghiệm của người Hà Nhi trong việc đặt cửa nước theo mương dẫn nước là đặt ở phía góc chéo với mương dẫn nước để đảm bảo lượng nước chảy vào ruộng. Các cửa nước không đặt ở giữa bờ ruộng để tránh bị vỡ bờ.

2. Vai trò của ba không gian trong ứng phó với thiên tai

Hệ sinh thái rừng và ruộng bậc thang có quan hệ hữu cơ với thôn làng của người Hà Nhi, chi phối nhau và tạo thành thể chân kiềng, giúp tăng cường năng lực ứng phó với thiên tai một cách hiệu quả.

- *Rừng trong mối quan hệ với thôn làng và ruộng bậc thang*: Rừng góp phần giữ nước, cung cấp nguồn nước cho thôn và ruộng bậc thang; đồng thời ngăn chặn xói mòn, sạt lở đất, chống lũ quét, lũ ống, bảo vệ thôn, bảo vệ ruộng bậc thang. Điều này thể hiện qua việc trong khi một số thôn bản người Dao kề cận như thôn Tùng Chín, xã Trịnh Tường chịu ảnh hưởng nặng nề của trận lũ quét lịch sử năm 2008, thôn làng của người Hà Nhi ít bị thiệt hại hơn.

- *Thôn làng trong mối quan hệ với rừng và ruộng bậc thang*: Thôn cung cấp, bồi đắp phân hữu cơ cho ruộng bậc thang. Thôn xây dựng hệ thống dẫn nước, kênh, mương cho ruộng bậc thang. Người dân trong thôn làng với thế giới quan về rừng đã có sự tôn trọng đặc biệt với rừng qua việc xác định các khu rừng thiêng.

- *Ruộng bậc thang trong mối quan hệ với thôn làng và rừng*: Ruộng bậc thang nhận chất hữu cơ từ không gian rừng và không gian thôn. Mối quan hệ hữu cơ giữa ba không gian này phản ánh đậm nét ở 3 trụ cột: Trụ cột thứ nhất là nguồn nước từ rừng chảy quanh thôn, xuống ruộng; Trụ cột thứ hai là chất hữu cơ được cung cấp từ rừng, từ thôn xuống ruộng bậc thang, nhưng đồng thời, ruộng cũng cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm cho người dân trong thôn; Trụ cột thứ ba là thế giới của thần linh liên quan đến thôn làng, rừng và ruộng bậc thang. Thần rừng Gạ Ma Do vừa đại diện cho rừng thiêng, nhưng cũng là hồn thiêng của cả thôn làng, quyết định sinh mệnh của thôn. Thần rừng Gạ Ma Do lại là chồng của nữ thần

ruộng Mu Thu Do¹. Ở đây, ta thấy quan hệ 2 ông 1 bà như kiểu thần bếp của người Kinh được biểu tượng bằng 3 chân kiềng. Mỗi quan hệ giữa ba không gian: rừng - thôn - ruộng bậc thang trong thế giới vật chất đã trở nên khăng khít như vậy thì trong thế giới tinh thần càng nhuốm màu linh thiêng.

3. Ba không gian của người Hà Nhì trong bối cảnh đương đại

Hầu hết người Hà Nhì ở Lào Cai đều là cư dân sống ở vùng biên, địa bàn khó khăn, xa các trung tâm huyện, tỉnh nên thời kỳ trước Đổi mới (1986), các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ít có ảnh hưởng tới cộng đồng. Ở thập niên 1960, người Hà Nhì có dân số rất ít (cả tỉnh Lào Cai² mới có xấp xỉ 1.000 người cư trú rải rác ở nhiều thôn khác nhau). Họ đã tạo ra thế “chân kiềng” vững chắc với diện tích ruộng bậc thang theo đầu người khá cao. Phỏng vấn hồi cố tại thôn Choản Thẩn cho thấy, vào những năm 1960, gia đình người Hà Nhì đông lao động có từ 30 - 40 kg thóc giống gieo ở ruộng bậc thang (tương đương 4 - 5ha), gia đình có ít lao động cũng có từ 1,5 - 2ha. Do đó, trong các năm 1970-1980, người Hà Nhì không phá rừng làm nương rẫy như người Hmông, người Dao và về cơ bản đảm bảo được nguồn lương thực bằng nông nghiệp ruộng nước.

Đến những năm 1990, phong trào trồng thảo quả ở tỉnh Lào Cai phát triển khá mạnh, nhiều thôn người Hmông, người Dao do canh tác nhiều thảo quả nên rừng già đã bị “phá thủng”, toàn bộ hệ sinh thái tầng thấp của rừng già bị suy giảm. Do đó, khả năng tích trữ nước, phòng chống thiên tai của các thôn người Hmông, người Dao suy giảm nghiêm trọng. Còn ở các thôn người Hà Nhì, thảo quả không được trồng ở rừng thiêng và rừng cấm đầu nguồn. Đối với người Hà Nhì, cây thảo quả không phải cây làm giàu, mà chỉ là cây “thu nhập thêm”. Ông Lý X. Ch. ở thôn Lao Chải 1, xã Y Tý cho biết: “*Mỗi hộ gia đình chỉ trồng một ít rừng thảo quả trong phạm vi rừng riêng của gia đình, dòng họ. Người Hà Nhì không bao giờ trồng thảo quả ở rừng thiêng Gạ Ma Do*” (PVS ngày 11/12/2019).

Cũng trong những năm 1960, với chính sách chống mê tín dị đoan, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, người Dao, người Hmông cư trú ở khu vực thấp hơn người Hà Nhì nên được vận động từ bỏ một số nghi lễ như tục lệ cúng rừng thiêng. Bên cạnh việc phá rừng làm rẫy, chính sách bài trừ mê tín dị đoan trở thành nguyên nhân khiến hầu hết các thôn người Dao đã xóa bỏ rừng thiêng (Trần Hữu Sơn, 2017). Trường hợp thôn Tùng Chín, xã Trịnh Tường là một ví dụ. Vào những năm 1960, diện tích rừng già của thôn khá lớn, ước tính khoảng 900ha. Cuối những năm 1990, thôn Tùng Chín tách ra thành 3 thôn và diện tích rừng già chỉ còn khoảng 120ha. Phong tục thờ cúng rừng thiêng, rừng cấm chỉ còn được duy trì ở thôn Tùng Chín 2, không được thôn Tùng Chín 1 và Tùng Chín 3 thực hành từ những năm 1970. Nhưng

¹ Ở vùng Ka Lăng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, người Hà Nhì Hoa lại quan niệm thần thổ địa “Thủ Ty” là chồng của nữ thần rừng Mu Thu Do.

² Tỉnh Lào Cai được thành lập vào năm 1907. Đến đầu năm 1976, tỉnh Lào Cai sáp nhập với tỉnh Yên Bái và một phần của tỉnh Nghĩa Lộ thành tỉnh Hoàng Liên Sơn. Tỉnh Hoàng Liên Sơn tồn tại đến ngày 30 tháng 9 năm 1991. Từ ngày 1 tháng 10 năm 1991, tỉnh Lào Cai lại tách ra với tên gọi Lào Cai như cũ.

ở người Hà Nhi, do có thể giới quan về rừng, hệ thống tín ngưỡng vật linh giáo vẫn tồn tại mạnh mẽ nên người dân vẫn bảo vệ được các khu rừng thiêng. Mặc dù các khu rừng thiêng Mu Thu Do, Thủ Ty, A Gờ Là Do của người Hà Nhi đến nay cũng bị xâm lấn, thu hẹp nhưng riêng rừng Gạ Ma Do vẫn được bảo vệ nghiêm ngặt. Nhờ vậy, các thôn làng người Hà Nhi đã tránh được các trận lũ quét, còn các thôn của người Hmông, người Dao xung quanh như thôn Tùng Chín của xã Trịnh Tường; thôn Hu Chù Phìn xã Sảng Ma Sáo, xã Chung Lèng Hồ,... đã bị lũ quét, lũ ống tàn phá khủng khiếp (Trần Hữu Sơn, 2014).

Kết luận

Như vậy, suốt một thời gian dài, ba không gian rừng - thôn làng - ruộng bậc thang cùng với thể giới quan sinh thái, cơ chế thiêng bảo vệ rừng đã góp phần giúp người Hà Nhi ở Lào Cai chống chọi với thiên tai khắc nghiệt. Trong khi các thôn người Dao, người Hmông lân cận đều bị lũ quét, lũ ống, sạt lở đất... nhưng thôn người Hà Nhi vẫn vững vàng trên đỉnh núi. Nguyên nhân chủ yếu là do người Hà Nhi đã bảo tồn được tri thức dân gian về bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, và khai thác hợp lý ruộng bậc thang. Bên cạnh đó, các thôn người Hà Nhi cũng ít bị ảnh hưởng sâu sắc của các đợt vận động chống mê tín dị đoan những năm 1960 nên vẫn duy trì được các nghi lễ liên quan đến rừng thiêng. Có được như vậy là nhờ người Hà Nhi sớm khai khẩn ruộng bậc thang và có nguồn sinh kế lúa nước ổn định, ít phải phụ thuộc vào rừng để phát nương hay trồng thảo quả, gây hại cho rừng già, rừng đầu nguồn. Đặc biệt, các thôn người Hà Nhi đều bảo tồn nghiêm ngặt được rừng thiêng Gạ Ma Do, bảo tồn được rừng của cộng đồng cũng như rừng đầu nguồn. Vì thế, ba không gian rừng - thôn làng - ruộng bậc thang đã tạo ra “thể chân kiềng”, giảm thiểu được tác động của thiên tai, hiểm họa môi trường trong những năm gần đây.

Tài liệu tham khảo

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bát Xát (2021), *Báo cáo về tình hình quản lý rừng*, tháng 1 năm 2021.
2. Phan Thị Hoàn (2019), “Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Tiếp cận thể giới quan sinh thái”, *Tạp chí Khoa học xã hội Miền Trung*, Số 5, tr.72-79.
3. Philippe Descola (2021), *Bên kia tự nhiên và văn hóa*, Nxb. Đại học Sư Phạm.
4. Trần Hữu Sơn (2014), “Ứng xử của người Dao với biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 2, tr. 3-14.
5. Trần Hữu Sơn (2017), *Văn hóa Dân gian ứng dụng*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
6. Trần Hữu Sơn (2018), *Ứng xử với môi trường tự nhiên của người Dao ở vùng Tây Bắc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.